

Bản án số: 381/2024/DS - PT
Ngày: 16 - 8- 2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tòng.

Các Thẩm phán: Ông Hà Chí Quốc;
Ông Nguyễn Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2024/TLST- DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Căn cứ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 323/2024/QĐXX-PT ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Thanh N (N1), sinh năm 1975 và chị Lê Thị Kim N2, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lý Thiện C, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ H, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Lờ Thị L, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ H, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

3.2. Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S; trụ sở tại: Số B- B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973; Chức vụ: Tổng Giám đốc; nơi cư trú: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số G, đường T, Khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Huỳnh Thanh N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Kim N2 và anh Huỳnh Thanh N trình bày:

Vợ chồng anh chị nhận chuyển nhượng phần đất của bà Nguyễn Thị T1 là mẹ ruột anh Lý Thiện C vào năm 2003, có diện tích 600 m²; khi nhận chuyển nhượng không đo đạc nhưng có thỏa thuận chiều ngang trước, sau là 12 m x dài 50 m (đã trừ lộ giới đường); đến năm 2023 diện tích đất có biến động nên được điều chỉnh lại thành diện tích 540,9 m², thửa số 25, tờ bản đồ 105; tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Phía sau đất của anh chị là phần đất của anh Lý Thiện C cũng nhận chuyển nhượng từ bà T1 nhưng nhận chuyển nhượng sau. Năm 2013 anh chị tiến hành xây hàng rào, khi xây thì anh C đến chỉ ranh xây; lúc này anh chị không biết đất thiếu so với giấy chứng nhận được cấp nên đã xây theo ranh anh C chỉ. Tuy nhiên, xem xét diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thiếu so với diện tích đất thực tế sử dụng là 70,8 m²; hiện do anh C sử dụng.

Nay yêu cầu anh Lý Thiện C di dời tài sản trên đất trả lại diện tích đất 70,8 m², thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ 25.

Bị đơn anh Lý Thiện C trình bày:

Phần diện tích đất hiện nay anh N, chị N2 tranh chấp với anh có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ mẹ ruột anh là bà Nguyễn Thị T1 (chết năm 2013). Đất anh N, chị N2 sử dụng cũng nhận chuyển nhượng từ mẹ anh năm 2003, anh là người nhận chuyển nhượng sau. Anh biết khi mẹ anh chuyển nhượng đất cho anh N, chị N2 là tính từ mép đường nhựa đo vào 50 m, chứ không phải theo hiện trạng như hiện nay, nếu nay đo từ mép đường vào thì đất anh N, chị N2 vẫn đủ 50 m như trước đây mẹ anh chuyển nhượng; khi chuyển nhượng có các anh, chị, em anh trong gia đình chứng kiến.

Năm 2013 anh N, chị N2 xây hàng rào, lúc này anh cùng anh N3 và anh N, chị N2 có chỉ ranh thống nhất để anh N, chị N2 xây hàng rào tường gạch kiên cố cho đến nay. Anh chỉ biết ranh đất các bên đã sử dụng từ trước đến nay vẫn như hiện trạng bây giờ không thay đổi và các chủ sử dụng đất trước đây mua đất của mẹ anh cũng như vậy. Do đó, anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Diện tích đất cùng tài sản trên đất hiện anh N, chị N2 tranh chấp với anh là tài sản riêng của anh, không liên quan đến vợ anh và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh đang thế chấp Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh N, chị N2 thì anh sẽ tự tất toán nợ với Ngân hàng theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Lê Thị L** trình bày:

Chị là vợ của anh **Lý Thiện C**, thống nhất với lời trình bày của anh **C**, không bổ sung gì thêm.

Người đại diện hợp pháp của **Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S** trình bày:

Anh **Lý Thiện C** và chị **Lê Thị L** đang vay tại **Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S** (sau đây viết tắt là Ngân hàng); tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay là: Quyền sử dụng đất diện tích 2.865,8 m², thửa số 81, tờ bản đồ số 25; tọa lạc tại **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh**; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp ngày 26-7-2016 mang tên **Lý Thiện C**. Nếu trường hợp anh **C** bị Tòa án buộc phải trả lại diện tích đất theo yêu cầu của nguyên đơn thì yêu cầu anh **C**, chị **L** phải trả hết dư nợ; sau khi tất toán thì Ngân hàng sẽ giao trả lại tài sản thế chấp cho anh **C** để thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 158, 166, 175, 189 Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 101, 203 Luật Đất đai; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Huỳnh Thanh N**, chị **Lê Thị Kim N2** đối với anh **Lý Thiện C** về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích đất 70,8 m² thuộc một phần thửa đất số 25, tờ bản đồ 105, vị trí đất thuộc **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh**.

Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi và điều chỉnh biên độ đối với diện tích đất 70,8 m² thuộc một phần thửa đất số 25, tờ bản đồ 105, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 157166, sổ vào sổ cấp GCN: CS 15501, do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp ngày 20-02-2023. Anh **Lý Thiện C** được quyền đăng ký biến động và sử dụng diện tích đất 70,8 m² thuộc một phần thửa đất số 25, tờ bản đồ 105, vị trí đất thuộc **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh**.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng đất do **Công ty TNHH K Sông Tiền** đo vẽ ngày 28-02-2024, được **Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T** xác nhận).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27-5-2024, nguyên đơn anh **Huỳnh Thanh N** kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Huỳnh Thanh N trình bày ý kiến, với nội dung: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo; yêu cầu anh Lý Thiện C trả diện tích đất 70,8 m²; tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Anh Lý Thiện C trình bày ý kiến, với nội dung: Không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S; chi Lê Thị L; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn anh Huỳnh Thanh N, thấy rằng:

[2.1] Các đương sự thống nhất với sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn K Sông Tiền được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Tây Ninh thẩm định ngày 29-02-2024 (sau đây viết tắt là Sơ đồ hiện trạng), thể hiện: Phần đất tranh chấp có diện tích 70,8 m² thuộc một phần thửa số 105, tờ bản đồ số 25; tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; được xác định bởi chu vi các điểm mốc số 1, 2, 3, 4, 5, 6 trên sơ đồ hiện trạng; có từ cận:

- Phía Đông giáp đường đất T2.54 dài: 4,30 m + 1,64 m = 5,94 m;
- Phía Tây giáp thửa đất số 272 dài: 1,62 m + 4,30 m = 5,92 m;
- Phía Nam giáp đất của anh Lý Thiện C thửa số 81 dài 12,01 m;
- Phía Bắc giáp đất của anh N, chi N2 thửa số 105 dài 11,92 m.

Tài sản trên đất là một phần nhà xưởng của anh C có diện tích 29,2 m².

[2.2] Về nguồn gốc đất:

[2.2.1] Phần diện tích đất anh Huỳnh Thanh N, chị Lê Thị Kim N2 đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng năm 2003 từ cụ Nguyễn Thị T1 (chết 2013); diện tích 600 m², thửa số 148, tờ bản đồ 24, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) ngày 02-10-2003 số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00436 QSDĐ/402/QĐ-UB (HL) mang tên anh Huỳnh Thanh N. Sau đó, qua đo đạc chính quy, được điều chỉnh biến động diện tích giảm do trừ mốc lộ giới và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận ngày 20-02-2023 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS15501, đối với diện tích 540,9 m², thửa số 105, tờ bản đồ số 25; mang tên anh Huỳnh Thanh N, chị Lê Thị Kim N2.

[2.2.2] Phần đất của anh Lý Thiện C đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc từ việc nhận chuyển nhượng và nhận tặng cho từ cụ Nguyễn Thị T1 vào năm 2009, diện tích 3.033 m², thửa số 213, tờ bản đồ số 24; tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; anh C đã được cấp Giấy chứng nhận và sau đó được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp đổi Giấy chứng nhận số vào sổ CS07265 ngày 26-7-2016; đối với diện tích 2.865,8 m², thửa số 81, tờ bản đồ số 25.

[2.3] Về quá trình quản lý, sử dụng đất: Năm 2013 anh N, chị N2 xây bức tường gạch kiên cố cao 3 m tại vị trí điểm mốc số 1 kéo đến điểm mốc số 6 dài 11,92 m; có sự chứng kiến của các bên; không ai tranh chấp; hiện còn tồn tại trên thực địa làm ranh giới, mốc giới ngăn cách giữa bất động sản do anh N, chị N2 quản lý và bất động sản do anh C, chị L quản lý. Anh N, chị N2 cho rằng khi xây hàng rào không biết ranh đất của mình đến đâu nên xây theo sự chỉ dẫn của anh C là không có cơ sở chấp nhận. Trong khi, anh C xác định bức tường xây tại vị trí hàng rào chân kẽm gai, phía trên là kẽm B40, trụ lực có từ trước khi mẹ anh chuyển nhượng cho anh N, chị N2; là có căn cứ, bởi lẽ:

[2.3.1] Quá trình giải quyết vụ án, anh C, chị Lý Phụng N4 và các anh, chị, em ruột của chị N4, anh C là chị Lý Thị H, anh Lý Thiện P, chị Lý Thị L1, anh Nguyễn Hồng N5 (là chồng của Lý Quý T3) là những người được cụ Thâm tặng cho đất cùng vào năm 2009; anh Nguyễn Văn N6 là người được cụ T1 chuyển nhượng đất đều xác định hàng rào kẽm gai, lưới kẽm B40, trụ lực giữa phần đất chị Lý Thị N7 và phần đất anh C đang quản lý, sử dụng đã có từ trước khi cụ T1 chia đất cho các anh, chị, em trong gia đình và chuyển nhượng đất cho anh N6 và chị Lê Thị Kim N2. Ranh đất là đường thẳng không bị gấp khúc, vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi cụ T1 còn sống, không có sự di dời và hiện tại trên thực địa giữa phần đất thửa số 400 do chị Lý Thị N7 sử dụng và phần đất giáp ranh thửa số 81 do anh C sử dụng là hàng rào lưới B40 kéo về hướng Đông qua hết thửa đất số 272 đến giáp đường T.54 là một đường thẳng trùng với điểm mốc số 6 đến số 1 trên Sơ đồ hiện trạng là bức tường. Chị Lý Phụng N4 cũng khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với anh C, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm cũng không chấp nhận yêu cầu, giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất giữa các bên được xác định là hàng rào kẽm gai; theo Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 23-4-2024

của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và Bản án dân sự phúc thẩm số 345/2024/DS-PT ngày 31-7-2024 của Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

[2.3.2] Kết quả xác minh các thửa liền kề với đất chị Lý Thị N7 cùng giáp ranh với đất anh C thể hiện: Khi cụ T1 chuyển nhượng đất cho anh Nguyễn Văn N6 (thửa đất số 263); tặng cho vợ chồng anh Nguyễn Hồng N5 (thửa đất số 264) thì các bên không tiến hành đo đạc, mà chỉ căn cứ vào ranh đất có sẵn là hàng rào kẽm gai, lưới kẽm B40. Đến năm 2023, anh N6, anh N5 mới phát hiện diện tích thực tế sử dụng là thiếu so với Giấy chứng nhận được cấp; nên anh N6 và anh N5 đã thương lượng, thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất cho anh C số tiền 15.000.000 đồng để sử dụng thêm phần đất anh C đang quản lý, sử dụng cho đủ diện tích theo Giấy chứng nhận cấp cho anh N6, anh N5; đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Như vậy, thấy rằng mặc dù diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất được cấp quyền sử dụng đất cho anh N, chị N2 nhưng thực tế anh C quản lý, sử dụng đất ổn định; đến thời điểm năm 2013 giữa anh C và anh N, chị N2 đã tự nguyện thoả thuận ranh giới, mốc giới bằng bức tường xây ngăn giữa các bất động sản liền kề theo quy định tại các Điều 265, 266 của Bộ luật Dân sự năm 2005, các Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; anh C quản lý, sử dụng phần đất của mình sau chị N2, anh N; quá trình sử dụng anh C xây dựng công trình kiên cố trên đất là nhà xưởng, nhà kho anh N, chị N2 biết nhưng không có ý kiến phản đối hay tranh chấp; đến năm 2023 khi phát hiện diện tích trong Giấy chứng nhận nhiều hơn so với diện tích đất thực tế đang quản lý, sử dụng nên cho rằng anh C lấn đất của anh chị là không đúng. Bởi vì, diện tích đất của anh N và chị N2; anh C đang quản lý, sử dụng tăng hay giảm so với diện tích đất được cấp trong Giấy chứng nhận, không phải là căn cứ để xác định anh C có lấn chiếm hay không lấn chiếm đất của anh chị. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Anh Huỳnh Thanh N kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ; nên không chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Tuy nhiên, cần điều chỉnh cách tuyên phần quyết định cho chính xác và rõ ràng hơn.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Huỳnh Thanh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Huỳnh Thanh N;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 158, 166, 175, 176, 189 Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 101, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 147, 148, 157, 165, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Huỳnh Thanh N**, chị **Lê Thị Kim N2** đối với anh **Lý Thiện C** về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 70,8 m² thuộc một phần thửa số 105, tờ bản đồ số 25; tọa lạc tại **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh**; đất có tứ cận:

- Phía Đông giáp đường đất **T2.54** dài: 4,30 m + 1,64 m = 5,94 m;
- Phía Tây giáp thửa đất số 272 dài: 1,62 m + 4,30 m = 5,92 m;
- Phía Nam giáp đất của anh **Lý Thiện C** thửa số 81 dài 12,01 m;
- Phía Bắc giáp đất của anh **Huỳnh Thanh N**, chị **Lê Thị Kim N2** thửa số 105 dài 11,92 m.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của **Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn K Sông Tiền** được **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Tây Ninh** thẩm định ngày 29-02-2024).

2. Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi và điều chỉnh biến động đối với diện tích đất 70,8 m², thuộc một phần thửa số 105, tờ bản đồ 25; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DK 157166, sổ vào sổ cấp GCN: CS15501, do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp ngày 20-02-2023 cho phù hợp với quyết định này của Bản án.

Anh **Lý Thiện C** được quyền quản lý, sử dụng và đăng ký biến động đối với diện tích đất 70,8 m² thuộc một phần thửa số 105, tờ bản đồ số 25; tọa lạc tại **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh**.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu 41.100.000 (bốn mươi một triệu một trăm ngàn) đồng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ghi nhận anh **Huỳnh Thanh N**, chị **Lê Thị Kim N2** đã nộp và chi phí xong.

4. Về án phí:

4.1. Anh **Huỳnh Thanh N**, chị **Lê Thị Kim N2** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; tổng cộng 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng mà anh **N**, chị **N2** đã nộp tại các Biên lai thu số 0008601 ngày 06- 10- 2023 và số 0006208 ngày 27-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; anh **N**, chị **N2** đã nộp xong tiền án phí dân sự.

4.2. Anh **Lý Thiện C** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

5. Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- TAND huyện Tân Châu;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Tòng